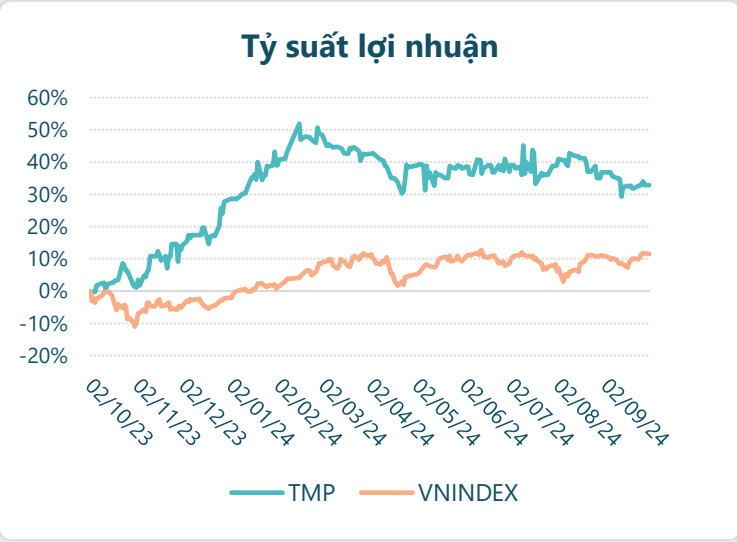


Ngày	66,900 VNĐ		
30/09/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-2.9%	-4.4%	-6.8%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	50,173 - 76,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	4,683
Số lượng CPLH (CP)	70,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,155
Sở hữu nước ngoài	0.8%
Beta	0.03
EPS	4,785
P/E	14.0



Doanh thu thuần
Q3/24

256

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 93.0 | 57.1%

YoY: ▲ 28.0 | 12.3%

Nợ/VCSH
Q3/24

30.1%

YoY: +/- ▼ 0.7%

LN gộp
Q3/24

169

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 82.2 | 95.0%

YoY: ▲ 23.0 | 15.9%

ROE (TTM)
Q3/24

19.6%

YoY: +/- ▼ 0.6%

LN trước thuế
Q3/24

161

tỷ VNĐ

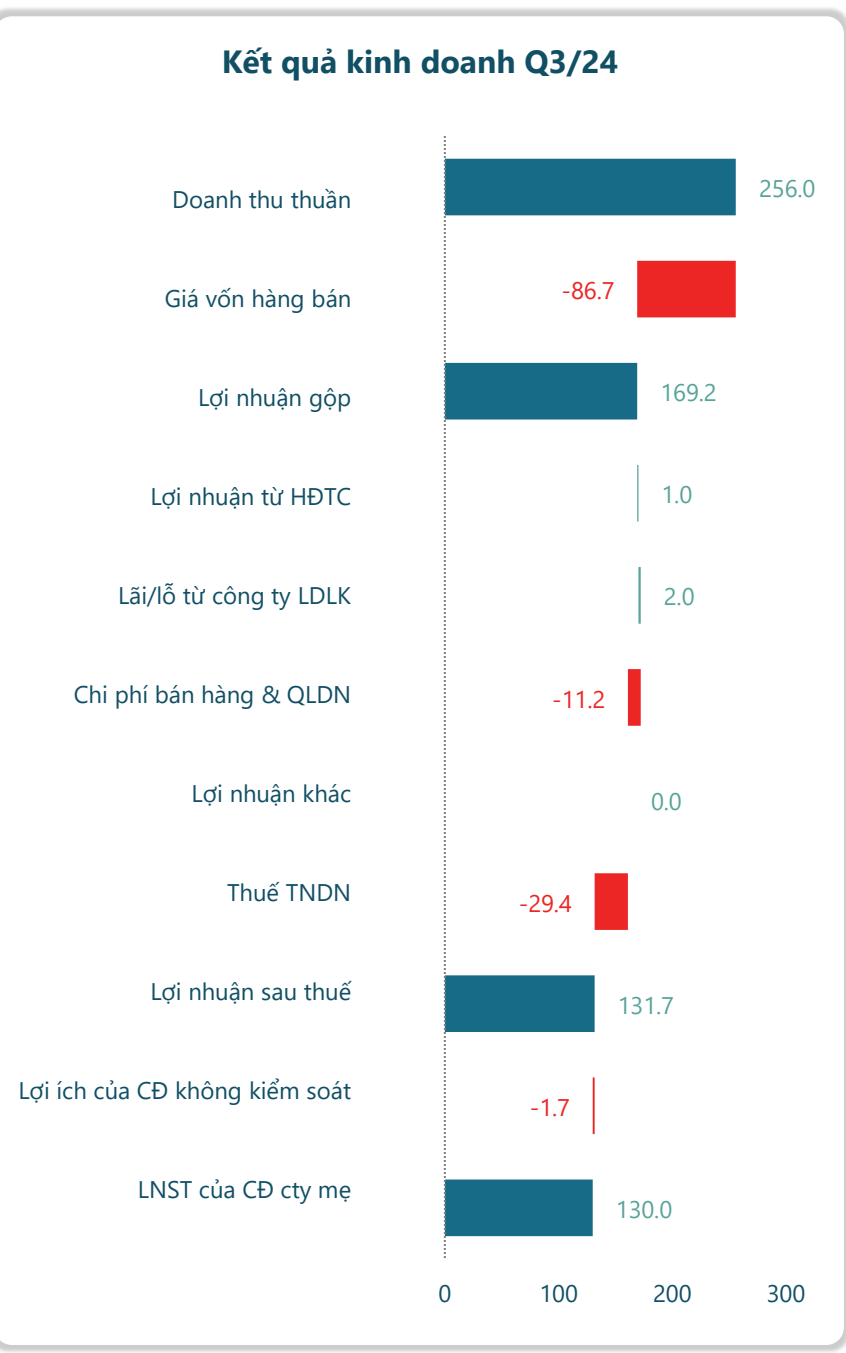
QoQ: ▲ 72.1 | 81.2%

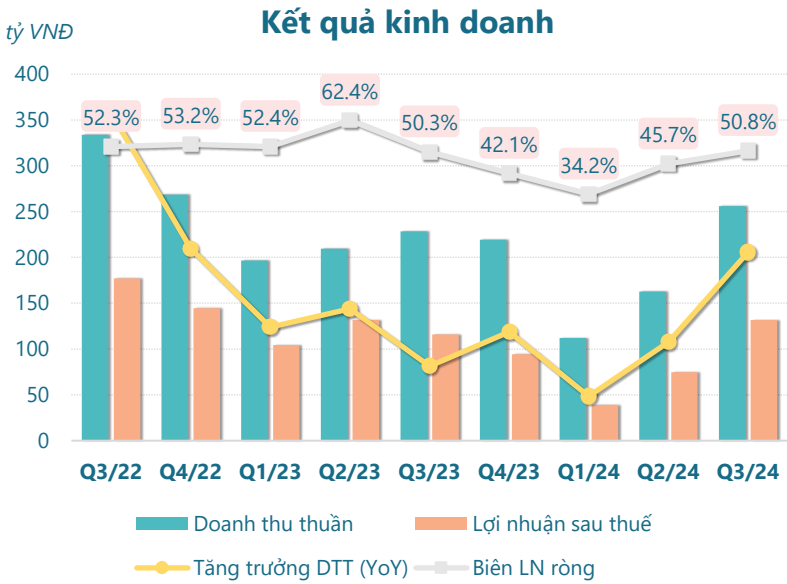
YoY: ▲ 22.0 | 15.9%

ROA (TTM)
Q3/24

15.2%

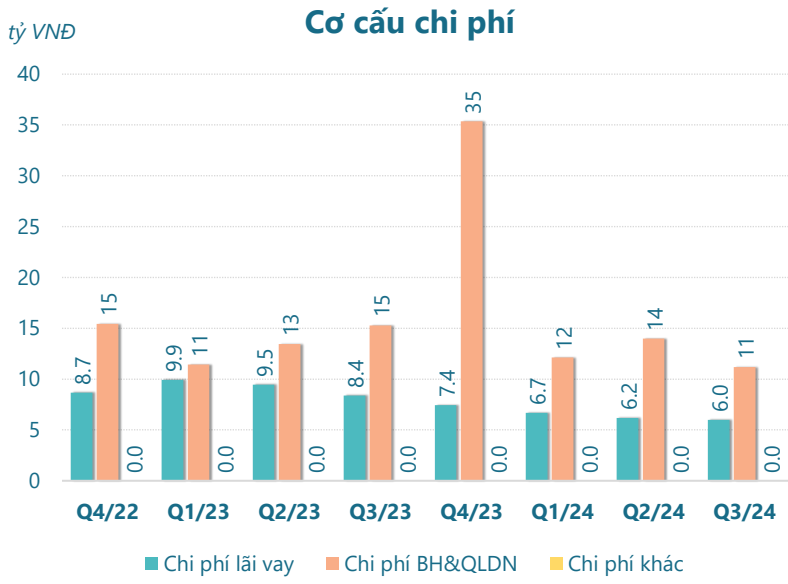
YoY: +/- ▼ 0.1%





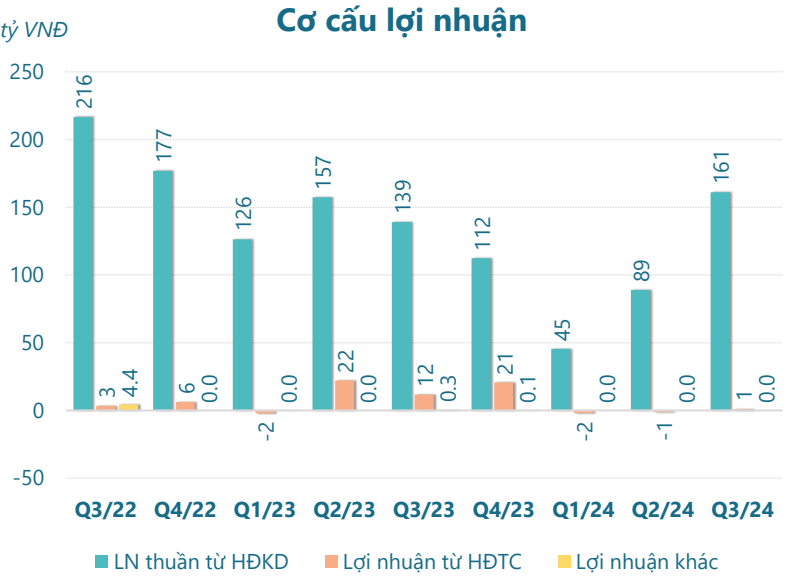
Tại quý III năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 161.1 tỷ đồng**, tăng thêm 81.1% so với kỳ trước và cao hơn 15.8% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lãi 1.01 tỷ đồng**, tăng thêm 2.25 tỷ đồng so với kỳ trước và thấp hơn 91.3% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **bằng 0** không đổi so với kỳ trước và thấp hơn 100.0% so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **TMP** quý III năm 2024, doanh thu thuần đạt **256.0 tỷ đồng** tăng thêm **12.0%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 131.7 tỷ đồng, tăng trưởng 13.7%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **531.0 tỷ đồng** thấp hơn 16.4% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 246.0 tỷ đồng** thấp hơn 30.1% so với cùng kỳ năm trước.



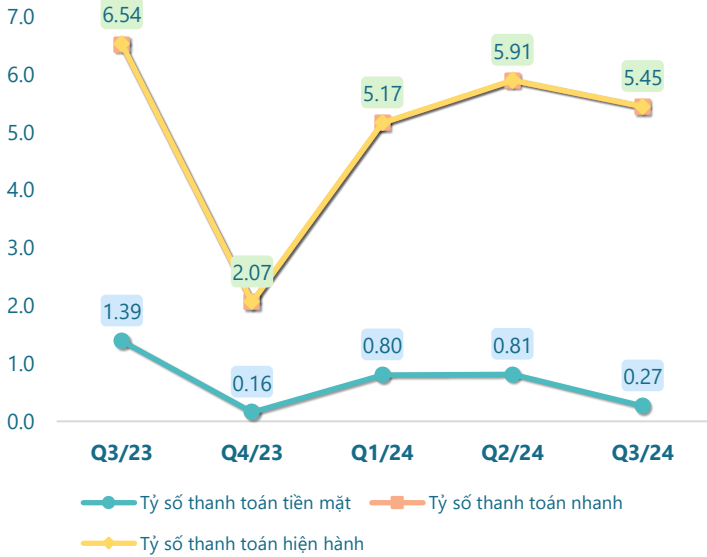
Tại quý III, chi phí lãi vay bằng **6.00 tỷ đồng** giảm đi 3.07% so với kỳ trước và thấp hơn 28.4% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **11.20 tỷ đồng** giảm đi 20.0% so với kỳ trước và thấp hơn 26.7% so với cùng kỳ năm trước.

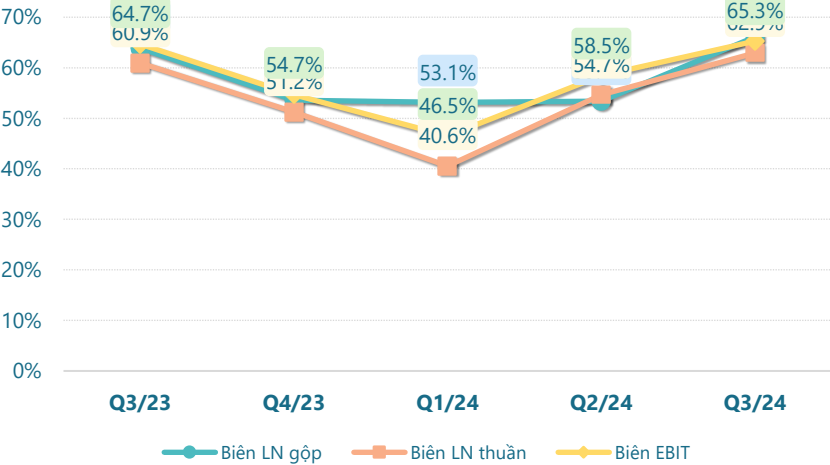
Chi phí khác bằng **0.00 tỷ đồng** không đổi so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q2/24	Thay đổi QoQ	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	256	163	57.1%	228	12.3%	531	635	-16.4%
Giá vốn hàng bán	86.7	75.8	14.4%	82.6	5.0%	215	214	0.3%
Lợi nhuận gộp	169	86.8	95.0%	146	15.9%	316	420	-24.9%
Doanh thu HĐTC	7.01	4.94	41.9%	20.0	-65.0%	16.6	59.3	-71.9%
Chi phí TC	6.00	6.19	-3.1%	8.38	-28.4%	18.9	27.7	-32.0%
Chi phí lãi vay	6.00	6.19	-3.1%	8.38	-28.4%	18.9	27.7	-32.0%
LN trong công ty LKLD	2.03	17.3	-88.2%	-3.03	167%	19.4	11.0	75.3%
Chi phí bán hàng	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí QLDN	11.2	14.0	-20.0%	15.3	-26.8%	37.3	40.2	-7.0%
LN thuần từ HĐKD	161	88.9	81.2%	139	15.9%	295	423	-30.1%
Lợi nhuận khác	0	0.00		0.27	-100%	0	0.28	-100%
LN trước thuế	161	88.9	81.2%	139	15.9%	295	423	-30.1%
Lợi nhuận sau thuế	132	74.9	75.8%	116	13.5%	246	352	-30.1%
LNST của CĐ cty mẹ	130	74.3	75.0%	115	13.1%	243	349	-30.4%

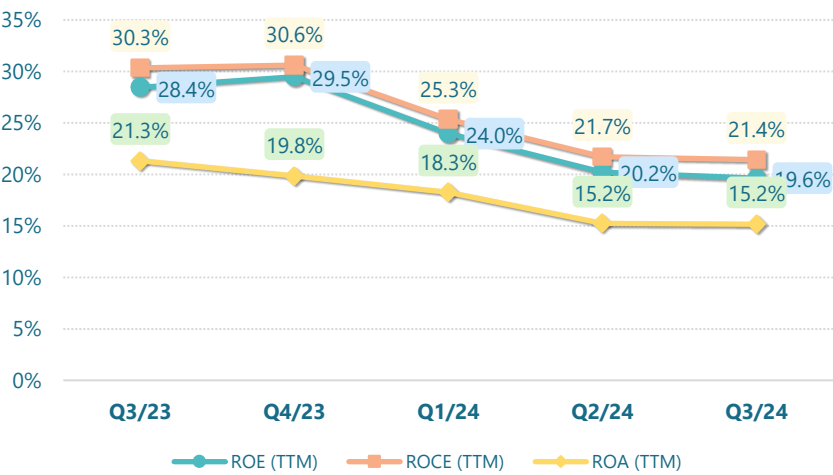
Chỉ số thanh khoản



Biên lợi nhuận



Tỷ suất sinh lợi



Vòng quay tài sản

